**2.BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (22 tiết)*** |  |  |  |  |
| **- Thực hành quan sát các loại nấm.** **- Đa dạng thực vật.****- Đa dạng động vật.****- Vai trò của đa dạng sinh học trong tự** **- Bảo vệ đa dạng sinh họcnhiên.** **- Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.** | **Nhận biết** | ***- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).***  | **1** |  | C13 |  |
| ***- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.***  |  | 1 |  | C1 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| ***- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.*** |  | **1** |  | C2 |
| -Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  |  |  |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  ***- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).*** |  |  |  |  |
|  | **2** |  | C3,C4 |
| ***- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.*** |  | **2** |  | C5, C6 |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |
| - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | ***- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...*** | **1** |  | C14  |  |
| **2. Lực (16 tiết)** |  |  |  |  |
| – **Lực và tác dụng của lực****– Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc****– Ma sát****– Lực cản của nước****– Khối lượng và trọng lượng****– Biến dạng của lò xo** | **Nhận biết** | ***- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.*** |  | 1 |  | C7 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| ***- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.*** |  | 1 |  | C8 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| ***- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.*** |  | 1 |  | C10 |
| ***- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.*** |  | 1 |  | C9 |
| - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  |  |  |  |
| - Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về khối lượng (số đo lượng chất của một vật). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của trái đất tác dụng lên vật). |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - ***Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.*** | **1** |  | C15 |  |
| - **Đo được nhiệt** độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  |  |  |  |
| - Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí). |  |  |  |  |
| - Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **3. Năng lượng và cuộc sống (13 tiết)** |  |  |  |  |
| **– Năng lượng****– Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng** | **Nhận biết** | - Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy.  |  |  |  |  |
| - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  |  |  |  |
| ***- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng.*** |  | 1 |  | C11 |
| **-** Lấy được ví dụ minh họa về định luật bảo toàn năng lượng |  |  |  |  |
| - Lấy ví dụ chứng tỏ được có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  | 1 |  | C12 |
| - Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  | - Phân tích được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. | **1** |  |  | C16 |